

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **68/2024/HNGĐ-ST**

Ngày **16/9/2024**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Chiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Tư

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Kim T** - sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 03, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Dương B** - sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố Kinh 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(vắng mặt lần 2 không lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T trình bày:** Chị Phạm Thị Kim T và anh Nguyễn Dương B được gia đình mai mối sau đó chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 30/8/2022.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng do anh B chỉ biết nghe lời cha mẹ, đi làm nhưng không đưa tiền để chị T lo cho con,

con đến tuổi đi học nhưng sợ tốn tiền không cho con đi học, vợ chồng thường hay cự cãi về vấn đề tiền bạc và chuyện học hành của con, anh B không có trách nhiệm với gia đình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với anh B không có hạnh phúc nên chị T tự ly thân với anh B từ tháng 8/2023 cho đến nay.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 1 con chung: Nguyễn Dương A - sinh ngày 29/6/2019. Hiện con đang sống với chị Tiên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

**Tại phiên tòa chị T yêu cầu:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Bình.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Chị T có khả năng nuôi con, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Dương B để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Nguyễn Dương B vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

**Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim T.

- Về quan hệ con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Dương Ân, sinh ngày 29/6/2019 cho chị Phạm Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh B vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Nguyễn Dương B .

Xét thấy, anh B chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh B vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B chung sống với nhau được UBND thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 146, ngày 30/8/2022, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng do anh B chỉ biết nghe lời cha mẹ, đi làm nhưng không đưa tiền để chị T lo cho con, con đến tuổi đi học nhưng anh B sợ tốn tiền không cho con đi học, vợ chồng thường hay cự cãi về vấn đề tiền bạc và chuyện học hành của con, anh B không có trách nhiệm với gia đình, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt.

Tại phiên tòa, chị T thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị T và anh B hai bên đã ly thân với nhau từ tháng 08/2023 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T được ly hôn với anh Bình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh B chung sống có 01 người con tên Nguyễn Dương A - sinh ngày 29/6/2019.

Xét thấy, cháu Ân hiện đang sống với chị Tiên, được Chị T nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho Chị T tiếp tục nuôi con là phù hợp, Chị T có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trường hợp anh B cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Dương B .

**2.** Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị Kim T tiếp tục nuôi người con tên Nguyễn Dương A - sinh ngày 29/6/2019. Chị Phạm Thị Kim T không yêu cầu anh Nguyễn Dương B cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Kim T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Dương B tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

**3.** Về quan hệ tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002628 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**5.** Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Dương B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến**

